

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 134

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Súp thịt heo, cà rốt, khoai môn, nấm bào ngư, trứng gà - Uống sữa
Trưa: Cơm trắng - Tôm tươi xào đậu cô ve, bông cải trắng - Canh thịt gà nấu rau dền cơm, nấm rơm
Xế: Chuối cau
Xế chiều: Miến cá diêu hồng nấu nấm kim châm, cà chua

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	1,150	6,280	72,220
2	0494	Đường cát	1,400	3,780	52,920
3	N0966	Muối Iot	900	740	6,660
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,800	4,180	75,240
5	0004	Gạo tẻ máy	8,000	2,560	204,800
6	0120	Hành lá (hành hoa)	450	5,360	24,120
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,820	30,870
8	0185	Tỏi ta	150	7,350	11,025
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	150	5,780	8,670
10	0649	Bột năng	1,400	4,637.5	64,925
11	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
12	0089	Cà rốt	1,400	5,780	80,920
13	N0770	Thịt nạc dăm	2,200	18,270	401,940
14	0033	Khoai môn	1,400	6,410	89,740
15	N0778	Nấm bào ngư	400	12,920	51,680
16	0424	Tôm sú	4,000	30,980	1,239,200
17	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	800	8,930	71,440
18	0052	Đậu cô ve (hạt)	900	7,040	63,360
19	N0772	Thịt ức gà	1,600	12,920	206,720
20	N0766	Rau dền cơm	2,800	4,620	129,360
21	0211	Nấm rơm	700	13,130	91,910
22	N0779	Cải bó xôi	1,200	8,300	99,600
23	0747	Chuối cau	7,300	2,680	195,640
24	0038	Miến dong	2,300	5,390	123,970
25	N0799	Cá diêu hồng phi lê	2,200	22,890	503,580
26	N0965	Nấm kim châm	500	10,610	53,050
27	0087	Cà chua	1,500	5,670	85,050

28	0748	Rau muống	600	3,990	23,940
29	0457	Sữa bột toàn phần	4,366.44	19,500	851,456
Tổng cộng					4,958,006

Tổng tiền thực phẩm	4,958,006
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,957,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-7
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	30,784,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	30,784,007

Phó Hiệu Trưởng

Cấp Dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan